Phụ lục I

GIAO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022
THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tu Mơ Rông)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Trung ương giao					Địa phương giao					Ghi chú
		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				
			Vốn ĐTPT	Trong đó		Vốn sự nghiệp		Vốn ĐTPT	Trong đó		Vốn sự nghiệp	
				KH năm 2021 chuyển nguồn sang năm	*KH năm 2022*				*KH năm 2021 chuyển nguồn sang năm*	*KH năm 2022*		
	Tổng số	**163,346**	**138,921**	***18,770***	***120,151***	**24,425**	**163,346**	**138,921**	***18,770***	***120,151***	**24,425**	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	68,242	53,742		*53,742*	14,500	68,242	53,742		*53,742*	14,500	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	74,334	66,409		*66,409*	7,925	74,334	66,409		*66,409*	7,925	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	20,770	18,770	*18,770*		2,000	20,770	18,770	*18,770*		2,000	

Phụ lục II

GIAO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022
THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tu Mơ Rông)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chương trình	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022 THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA														Ghi chú
		TỔNG 03 CTMTQG			CTMTQG XÂY DỰNGNÔNG THÔN MỚI					CTMTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG			CTMTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐBDTTS VÀ MIỀN NÚI			
		Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	*Trong đó*		Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	
							KH năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022	*KH năm 2022*								
	TỔNG SỐ	**163,346**	**138,921**	**24,425**	**20,770**	**18,770**	**18,770**		**2,000**	**74,334**	**66,409**	**7,925**	**68,242**	**53,742**	**14,500**	
I	**Cấp huyện**	**92,038**	**81,033**	**11,005**	**1,135**				**1,135**	**55,223**	**51,877**	**3,346**	**35,680**	**29,156**	**6,524**	
1	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1,975		1,975	985				985				990		990	
2	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	886		886						586		586	300		300	
3	Phòng Văn hóa và Thông tin	100		100	100				100							
4	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	79,027	79,027							51,877	51,877		27,150	27,150		
5	Phòng Dân tộc	1,944		1,944									1,944		1,944	
6	Phòng Giáo dục và Đào tạo	153		153									153		153	
7	Hội Liên hiệp Phụ nữ	465		465									465		465	
8	Phòng Tư Pháp	108		108									108		108	
9	Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện	981		981						981		981				
10	Trung tâm GDNN-GDTX huyện	4,064		4,064						1,697		1,697	2,367		2,367	
11	Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch và Truyền thông	2,335	2,006	329	50				50	82		82	2,203	2,006	197	

TT	Chương trình	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022 THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA														Ghi chú
		TỔNG 03 CTMTQG			CTMTQG XÂY DỰNGNÔNG THÔN MỚI					CTMTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG			CTMTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐBDTTS VÀ MIỀN NÚI			
							Trong đó									
		Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	*KH năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022*	*KH năm 2022*	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	
II	**Cấp xã**	**71,309**	**57,889**	**13,420**	**19,635**	**18,770**	**18,770**		**865**	**19,111**	**14,532**	**4,579**	**32,563**	**24,587**	**7,976**	
1	Xã Đăk Rơ Ông	7,281	5,317	1,964	1,900	1,710	1,710		190	2,874	1,695	1,179	2,507	1,912	595	
2	Xã Ngọk Lây	7,566	5,929	1,638	1,896	1,706	1,706		190	1,845	1,600	245	3,825	2,623	1,203	
3	Xã Tu Mơ Rông	5,997	4,669	1,328	1,721	1,706	1,706		15	1,302	1,072	230	2,974	1,891	1,083	
4	Xã Đăk Hà	7,221	5,171	2,050	1,896	1,706	1,706		190	2,975	1,730	1,245	2,350	1,735	615	
5	Xã Ngọc Yêu	5,916	4,969	947	1,721	1,706	1,706		15	1,330	1,100	230	2,865	2,163	702	
6	Xã Tê Xăng	6,503	5,677	826	1,721	1,706	1,706		15	1,430	1,200	230	3,352	2,771	581	
7	Xã Măng Ri	7,291	6,258	1,033	1,896	1,706	1,706		190	1,845	1,600	245	3,550	2,952	598	
8	Xã Đăk Tờ Kan	5,822	4,881	941	1,721	1,706	1,706		15	1,420	1,135	285	2,681	2,040	641	
9	Xã Đăk Sao	5,925	5,009	916	1,721	1,706	1,706		15	1,380	1,150	230	2,824	2,153	671	
10	Xã Đăk Na	6,039	5,095	944	1,721	1,706	1,706		15	1,380	1,150	230	2,938	2,239	699	
11	Xã Văn Xuôi	5,749	4,914	834	1,721	1,706	1,706		15	1,330	1,100	230	2,698	2,108	589	

Ghi chú:

1 Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

- Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo
- Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo
- Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng
- Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững
- Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin
- Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

2 Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt
- Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết
- Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

TT	Chương trình	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022 THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA														Ghi chú
		TỔNG 03 CTMTQG			CTMTQG XÂY DỰNGNÔNG THÔN MỚI					CTMTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG			CTMTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐBDTTS VÀ MIỀN NÚI			
		Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	*Trong đó*		Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	
							KH năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022	*KH năm 2022*								

- Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc
- Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực
- Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch
- Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em
- Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em
- Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn
- Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

(*) Uỷ ban nhân dân các huyện Đăk Glei, Tu Mơ Rông và Kon Plông ưu tiên bô trí kinh phí hô trợ mô hình giảm nghèo tại các xã: (1) Xã Mường Hoong và xã Ngọc Linh của huyện Đăk Glei; (2) Xã Đăk Tờ Kan của huyện Tu Mơ Rông; (3) Xã Măng Bút của huyện Kon Plông (4) Xã Ia Tơi của Ia H'drai

(**) Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố ưu tiên bô trí đủ kinh phí hàng năm và giai đoạn đê thực hiện sô km cứng hóa đường đên trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa được tông hợp trong Đê án được câp thâm quyên phê duyệt và Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình

GIAO DỰ TOÁN N

TT	Danh mục dự án/công trình	Chủ đầu tư
TỔNG SỐ		
I	**Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**	
1	**Dự án 1**	
1.1	**Hỗ trợ nhà ở**	
1.1.1	Xã Đăk Rơ Ông	Xã Đăk Rơ Ông
1.1.2	Xã Đăk Sao	Xã Đăk Sao
1.1.3	Xã Đăk Na	Xã Đăk Na
1.1.4	Xã Đăk Tờ Kan	Xã Đăk Tờ Kan
1.1.5	Xã Đăk Hà	Xã Đăk Hà
1.1.6	Xã Tu Mơ Rông	Xã Tu Mơ Rông
1.1.7	Xã Văn Xuôi	Xã Văn Xuôi
1.1.8	Xã Ngok Yêu	Xã Ngok Yêu
1.1.9	Xã Tê Xăng	Xã Tê Xăng
1.1.10	Xã Măng Ri	Xã Măng Ri
1.2	**Hỗ trợ đất ở**	
1.2.1	Xã Đăk Rơ Ông	Xã Đăk Rơ Ông
1.2.2	Xã Đăk Na	Xã Đăk Na
1.3	**Hỗ trợ đất sản xuất**	

1.3.1	Xã Đăk Rơ Ông	Xã Đăk Rơ Ông
1.3.2	Xã Đăk Na	Xã Đăk Na
1.3.3	Xã Tu Mơ Rông	Xã Tu Mơ Rông
1.3.4	Xã Ngok Yêu	Xã Ngok Yêu
1.3.5	Xã Ngok Lây	Xã Ngok Lây
1.3.6	Xã Tê Xăng	Xã Tê Xăng
1.3.7	Xã Măng Ri	Xã Măng Ri
1.4	**Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung**	
1.4.1	Nước sinh hoạt tập trung khu tái định cư Ba Khen-Long Tro xã Văn Xuôi	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện
1.4.2	Nước sinh hoạt tập trung Thôn Long Hy 2 - xã Măng Ri	
2	**Dự án 2**	
2.1	Hỗ trợ làm nhà dự án định canh, định cư tập trung thôn Đăk Kinh 1 xã Ngok Lây, huyện Tu Mơ Rông	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện
2.2	Dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tập trung và tại chỗ xã Đăk Hà huyện Tu Mơ Rông	
2.3	Dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tại chỗ xã Đăk Rơ Ông và Đăk Tờ Kan huyện Tu Mơ Rông	
3	**Dự án 4**	
3.1	Chợ trung tâm xã Ngok Lây	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện
3.2	Hệ thống điện chiếu sáng nông thôn	Xã Tu Mơ Rông

3.3	Hệ thống điện chiếu sáng nông thôn	Xã Đăk Hà
3.4	Hệ thống điện chiếu sáng nông thôn	Xã Văn Xuôi
3.5	Hệ thống điện chiếu sáng nông thôn	Xã Ngọc Yêu
3.6	Hệ thống điện chiếu sáng nông thôn	Xã Ngọk Lây
3.7	Hệ thống điện chiếu sáng nông thôn	Xã Tê Xăng
3.8	Hệ thống điện chiếu sáng nông thôn	Xã Măng Ri
3.9	Hệ thống điện chiếu sáng nông thôn	Xã Đăk Tờ Kan
3.10	Hệ thống điện chiếu sáng nông thôn	Xã Đăk Rơ Ông
3.11	Hệ thống điện chiếu sáng nông thôn	Xã Đăk Sao
3.12	Hệ thống điện chiếu sáng nông thôn	Xã Đăk Na
4	**Dự án 5**	
4.1	**Phòng ở cho Học sinh bán trú, nội trú**	
4.1.1	Trường PTDTBT THCS xã Đắk Na	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện
4.1.2	Trường PTDTBT THCS xã Đắk Sao	
4.1.3	Trường PTDTBT TH-THCS xã Ngọc Lây	
4.1.4	Trường PTDTBT TH xã Đắk Hà	
4.2	**Công trình vệ sinh, nước sạch**	
4.2.1	Trường THCS BT DTTS Tu Mơ Rông	Ban quản lý dự án đầu tư xây
4.2.2	Trường PTDTBT THCS xã Đắk Sao	

4.2.3	Trường PTDTBT TH-THCS xã Ngọc Yêu	dựng huyện
4.2.4	Trường PTDTBT TH xã Đắk Na	
4.3	**nhà sinh hoạt, giáo dục văn hoá dân tộc**	
4.3.1	Trường PTDTBT TH-THCS xã Ngọc Lây	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện
4.3.2	Trường PTDTBT TH-THCS xã Măng Ry	
4.4	**Phòng học bộ môn**	
4.4.1	Trường TH xã Đắk Hà	
5	**Dự án 6**	
5.1	**Đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao**	
5.1.1	Thôn Ba Khen, xã Văn Xuôi	Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch và Truyền thông
5.1.2	Thôn Pu Tá, xã Măng Ri	
5.1.3	Thôn Long Láy, xã Măng Ri	
5.1.4	Thôn Đăk Viên, xã Tê Xăng	
5.1.5	Thôn Kạch Nhỏ, xã Đăk Sao	
5.1.6	Thôn Tu Mơ Rông, xã Tu Mơ Rông	
5.1.7	Thôn Lộc Bông, xã Ngọc Lây	
5.1.8	Thôn Đăk Kinh 1, xã Ngọc Lây	
5.1.9	Thôn Mô Bành, xã Đăk Rơ Ông	
6	**Dự án 10**	
-	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự	Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch và Truyền thông
II	**Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững**	
1	**Dự án 1**	
1.1	***Tiểu dự án 1***	
1	Đường đi khu sản xuất thôn Kon Hia 3, xã Đăk Rơ Ông	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện

2	Nâng cấp đường giao thông thôn Năng Lớn 1, xã Đăk Sao	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện
3	Thủy lợi xã Đăk Sao (Hạng mục: thủy lợi Đăk Prí)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện
4	Đường đi khu sản xuất, thác Siu Puông, xã Đăk Na	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện
5	Gia cố các hạng mục xung yếu; Bố trí điện chiếu sáng các thôn trên địa bàn xã Đăk Na	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện
6	Đường liên thôn từ thôn Tu Cấp vào thôn Đăk Ka - Văn Sang - Đăk Neang, xã Tu Mơ Rông	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện
7	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Chum 2	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện
8	Gia cố các hạng mục xung yếu trên tuyến đường vào và đường nội bộ khu tái định cư thôn Tu Thó, xã Tê Xăng	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện
9	Sửa chữa đường vào khu tái định cư thôn Long Tro, Ba Khen, xã Văn Xuôi	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện
10	Nước sinh hoạt thôn Ba Tu 3, xã Ngọc Yêu	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện
11	Khu văn hóa thể thao xã Ngọk Lây	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện
12	Trường mầm non xã Đăk Hà	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện
13	Quảng trường kết hợp Khu thể thao xã Đăk Hà	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện
14	Khu Văn hóa, kết hợp dụng cụ thể dục thể thao, xã Đăk Hà	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện
15	Nước sinh hoạt trung tâm xã Đăk Hà (hạng mục nhánh nhỏ)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện
16	Đường thôn Ty Tu đi khu sản xuất tập trung xã Đăk Hà	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện

17	Nhà rông thôn Đăk Plò (NRVH)	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Rơ Ông
18	Nhà rông thôn La Giông (NRVH)	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Rơ Ông
19	KCH kênh mương Thủy lợi Đăk Vin 1 (Mô Bành)	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Rơ Ông
20	Giếng đào (NSH) thôn La Giông	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Rơ Ông
21	Nâng cấp sửa chữa đường nội thôn Kon Hia 1	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Rơ Ông
22	Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi Gia Bao (Đoạn cuối)	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Ngọk Lây
23	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Kinh I	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Ngọk Lây
24	Đường đi khu sản xuất Măng Rương 1, 2 (đoạn nối tiếp)	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Ngọk Lây
25	Đường đi khu sản xuất Đăk Chum 1, xã Tu Mơ Rông	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Tu Mơ Rông
26	Làm mới nhà rông thôn Đăk Pơ Trang	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Hà
27	Làm mới nhà rông thôn Kon Pia	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Hà
28	Làm mới nhà rông thôn Ty Tu	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Hà
29	Đường nội thôn Mô Pả	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Hà
30	Đường nội thôn Đăk Hà (đoạn vào nhà A Hồ)	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Hà

31	Đường trục chính nội đồng thôn Đăk Hà	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Hà
32	Đường đi khu sản xuất Đăk Tơ Lá (giai đoạn 2), xã Ngọk Yêu	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Ngọk Yêu
33	Đường đi khu sản xuất Chang Hai thôn Long Láy 1 (đoạn nối tiếp), xã Ngọk Yêu	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Ngọk Yêu
34	Đường nội thôn Đăk Sông	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Tê Xăng
35	Đường nội thôn Tu Thó	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Tê Xăng
36	Đường đi khu sản xuất thôn Ngọc La (đoạn nối tiếp Ai Len)	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Măng Ri
37	Nâng cấp, sửa chữa đoạn đường từ UBND xã qua thôn Chung Tam đến thôn Pu Tá	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Măng Ri
38	Làm mới nhà rông thôn Tê Xô Trong	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Tờ Kan
39	Làm mới nhà rông thôn Tê Xô Ngoài	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Tờ Kan
40	Làm mới nhà rông thôn Đăk Trăng	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Tờ Kan
41	Làm mới nhà rông thôn Đăk Hnăng	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Tờ Kan
42	Sửa chữa nhà rông thôn Kon Hnông	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Tờ Kan
43	Sửa chữa nhà rông thôn Đăk Prông	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Tờ Kan

44	Sửa chữa nhà rông thôn Đăk Nông	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Tờ Kan
45	Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi Tea Gia	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Tờ Kan
46	Đường nội thôn Đăk Hnăng 2	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Tờ Kan
47	Đường đi khu sản xuất thôn Kạch Lớn 1 (đoạn lên bể nước)	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Sao
48	Đường đi khu sản xuất Ta Cheng thôn Năng nhỏ 2	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Sao
49	Nước tự chảy phục vụ mô hình trồng dược liệu và các loại cây trồng ứng dụng công nghệ cao xã Đăk Na	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Na
50	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng thủy lợi Đăk Văn 1 (đoạn nối tiếp)	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Văn Xuôi
51	Đường nội thôn Ba Khen (Nhánh 2 đoạn nối tiếp)	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Văn Xuôi
52	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng thủy lợi Đăk Nghên thôn Long Tro	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Văn Xuôi
III	**Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**	
1	**Kế hoạch vốn ĐTPT năm 2021 chuyển sang thực hiện năm 2022**	
1	Đường trục đi KSX thôn Kon Hia 1 *(Đoạn chân đèo vân loan đoạn nối tiếp)*	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Rơ Ông
2	Đường đi KSX thôn La Giông (Đoạn tiếp giáp với đường 4 xã phía tây)	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Rơ Ông
3	Đường đi khu Sản xuất thôn Tu Bung (Đoạn nối đường bê tông - đi khu sản xuất thôn Tu Bung)	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Ngọk Lây
4	Đường nội thôn Đăk Xia (sửa chữa nâng cấp đường nội thôn đoạn nối QL 40b đi làng Kô Xia I cũ)	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Ngọk Lây

5	Đường trục chính nội thôn Lộc Bông(Đoạn nối tiếp đường bê tông nội thôn Lộc Bông)	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Ngọk Lây
6	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Ka tập trung	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Tu Mơ Rông
7	Sân thể thao thôn Đăk Neang	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Tu Mơ Rông
8	Đường trục chính nội đồng thôn Tu cấp nhánh cánh đồng Te Reng	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Tu Mơ Rông
9	Đường nội thôn Kon Pia (Đoạn từ nha A Vang)	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Hà
10	Đường đi khu sản xuất Te Pô Bô thôn Đăk Pơ Trang	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Hà
11	Đường đi thôn Ba Tu 3, xã Ngọk Yêu	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Ngọk Yêu
12	Nâng cấp mở rộng đường trục thôn Long Láy 2, xã Ngọk Yêu	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Ngọk Yêu
13	Đường đi khu sản xuất thôn Tân Ba	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Tê Xăng
14	Giếng đào (15 cái)	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Tê Xăng
15	Đường đi khu sản xuất Long Hy (đoạn nối tiếp Ailen)	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Măng Ri
16	Đường đi khu sản xuất Irit thôn Ngọc La (đoạn 1)	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Măng Ri

17	Đường đi khu sx Kon Hnông 1 (đoạn nối tiếp)	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Tờ Kan
18	Đường đi khu sx Đăk Trăng 2 (đoạn nối tiếp)	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Tờ Kan
19	Đường nội thôn Kạch Nhỏ (đoạn nhà A Nuân)	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Sao
20	Giếng đào thôn Kạch Lớn 1	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Sao
21	Đường trục thôn Mô Bành 2 (đoạn nối tiếp)	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Na
22	Đường nội thôn Hà Lăng và hệ thống thoát nước (Đoạn vào nhà rông văn hóa thôn)	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Na
23	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Văn 2 nhánh 1 (đoạn nối tiếp)	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Văn Xuôi
24	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Văn 1 (nhánh 3)	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Văn Xuôi

Phụ lục II.1

NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐ

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /6/2022 của Ủy ban nhân

Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mục tiêu đầu tư
		60
Xã Đăk Rơ Ông	2022-2025	4
Xã Đăk Sao		4
Xã Đăk Na		10
Xã Đăk Tờ Kan		6
Xã Đăk Hà		7
Xã Tu Mơ Rông		6
Xã Văn Xuôi		6
Xã Ngok Yêu		4
Xã Tê Xăng		7
Xã Măng Ri		6
		13
Xã Đăk Rơ Ông	2022-2025	8
Xã Đăk Na		5
		117

Xã Đăk Rơ Ông	2022-2025	18
Xã Đăk Na		7
Xã Tu Mơ Rông		31
Xã Ngok Yêu		11
Xã Ngok Lây		27
Xã Tê Xăng		8
Xã Măng Ri		15
Xã Văn Xuôi	2022	chủ động cung cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho thông….; nhằm ngăn ngừa bệnh tật, nhất là các bệnh đường ruột, giải phóng sức lao động ở phụ nữ và trẻ em các khe suối nhỏ; nâng cao đời sống tinh thần của công trình
Xã Măng Ri	2022-2023	chủ động cung cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho thông….; nhằm ngăn ngừa bệnh tật, nhất là các bệnh đường ruột, giải phóng sức lao động ở phụ nữ và trẻ em các khe suối nhỏ; nâng cao đời sống tinh thần của công trình
Xã Ngok Lây	2022	Nhằm ổn định đời sống dân cư trên địa bàn
Xã Đăk Hà	2022-2024	Nhằm ổn định đời sống dân cư trên địa bàn
Xã Đăk Rơ Ông	2022-2024	Nhằm ổn định đời sống dân cư trên địa bàn
Xã Ngok Lây	2022-2023	Phát triển thương mại tại trung tâm xã Ngok Lây và các vùng lân cận ngày càng vững mạnh, theo hướng văn minh với sự tham gia của các thành phần kinh tế và sự đa dạng của các loại hình tổ chức phân phối, các hoạt động dịch vụ và phương thức kinh
Xã Tu Mơ Rông	2022-2024	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới

Xã Đăk Hà	2022-2024	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
Xã Văn Xuôi	2022-2024	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
Xã Ngọc Yêu	2022-2024	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
Xã Ngọk Lây	2022-2023	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
Xã Tê Xăng	2022-2023	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
Xã Măng Ri	2022-2023	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
Xã Đăk Tờ Kan	2022-2024	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
Xã Đăk Rơ Ông	2022-2024	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
Xã Đăk Sao	2022-2024	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
Xã Đăk Na	2022-2024	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
Đăk Na	2022	Bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất cho học sinh bán trú, nội trú
Đăk Sao	2022-2023	
Ngok Lây	2022	
Đăk Hà	2022	
Đăk Hà	2022-2023	Bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất (Công trình vệ
Đăk Sao	2022	

Ngok Yêu	2022	sinh, nước sạch) cho học sinh
Đăk Na	2022	
Ngok Lây	2022	Bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất cho học sinh
Măng Ri	2022	
Đăk Hà	2022-2023	Bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất cho học sinh
Văn Xuôi	2022	đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao
Măng Ri	2022	
Măng Ri	2022	
Tê Xăng	2022	
Đăk Sao	2022	
Tu Mơ Rông	2022	
Ngok Lây	2022	
Ngok Lây	2022-2023	
Đăk Rơ Ông	2022-2023	
các xã trên địa bàn huyện	2022-2025	Hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận khoa học công nghệ và quảng bá các sản phẩm của địa phương cho bạn bè trong nước và thế giới, ứng dụng công nghệ thông tin góp phần giảm nghèo thông tin, …
Xã Đăk Rơ Ông	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới

Xã Đăk Sao	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
Xã Đăk Sao	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
Xã Đăk Na	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
Xã Đăk Na	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
Xã Tu Mơ Rông	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
Xã Tê Xăng	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
Xã Tê Xăng	2022-2023	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
Xã Văn Xuôi	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
Xã Ngọc Yêu	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
Xã Ngọk Lây	2022-2023	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
Xã Đăk Hà	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
Xã Đăk Hà	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
Xã Đăk Hà	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
Xã Đăk Hà	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
Xã Đăk Hà	2022-2023	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới

xã Đăk Rơ Ông	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Đăk Rơ Ông	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Đăk Rơ Ông	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Đăk Rơ Ông	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Đăk Rơ Ông	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Ngọk Lây	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Ngọk Lây	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Ngọk Lây	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Tu Mơ Rông	2022-2024	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Đăk Hà	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Đăk Hà	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Đăk Hà	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Đăk Hà	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Đăk Hà	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới

xã Đăk Hà	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Ngọk Yêu	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Ngọk Yêu	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Tê Xăng	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Tê Xăng	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Măng Ri	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Măng Ri	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Đăk Tờ Kan	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Đăk Tờ Kan	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Đăk Tờ Kan	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Đăk Tờ Kan	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Đăk Tờ Kan	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Đăk Tờ Kan	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới

xã Đăk Tờ Kan	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Đăk Tờ Kan	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Đăk Tờ Kan	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Đăk Sao	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Đăk Sao	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Đăk Na	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Văn Xuôi	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Văn Xuôi	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Văn Xuôi	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Đăk Rơ Ông	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Đăk Rơ Ông	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Ngọk Lây	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Ngọk Lây	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới

xã Ngọk Lây	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Tu Mơ Rông	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Tu Mơ Rông	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Tu Mơ Rông	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Đăk Hà	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Đăk Hà	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Ngọk Yêu	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Ngọk Yêu	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Tê Xăng	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Tê Xăng	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Măng Ri	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Măng Ri	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới

xã Đăk Tờ Kan	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Đăk Tờ Kan	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Đăk Sao	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Đăk Sao	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Đăk Na	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Đăk Na	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Văn Xuôi	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới
xã Văn Xuôi	2022	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, góp phần ổn định đòi sống nhân dân, đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới

ỚC GIA TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TU MƠ RÔNG (VỐN ĐẦU TƯ)
dân huyện Tu Mơ Rông)

Quy mô đầu tư (dự kiến)	Tổng mức đầu tư (dự kiến)		Kế hoạc giai đoạ 20
	Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	*Trong đó: Vốn NSTW*	**Tổng số** *(tất cả các nguồn vốn)*
	260,156	**235,082**	**260,156**
	158,180	**143,800**	**158,180**
	12,609	**11,462**	**12,609**
	2,619	**2,381**	**2,619**
xây dựng 01 căn nhà cấp 4 đảm bảo 3 cứng (nền cứng, khung tường cứng, mái cứng, khoảng 40m2)	174.63	158.75	174.63
	174.63	158.75	174.63
	436.56	396.88	436.56
	261.94	238.13	261.94
	305.60	277.81	305.60
	261.94	238.13	261.94
	261.94	238.13	261.94
	174.63	158.75	174.63
	305.60	277.81	305.60
	261.94	238.13	261.94
	568	**516**	**568**
Hỗ trợ đất ở cho đối tường thụ hưởng theo quy định	349	318	349
	218	198	218
	2,873	**2,612**	**2,873**

Hỗ trợ đất sản xuất cho đối tường thụ hưởng theo quy định	442	402	442
	172	156	172
	761	692	761
	270	246	270
	663	603	663
	196	179	196
	368	335	368
	6,548	**5,953**	**6,548**
Sữa chữa, làm mới đập đầu mối, đường ống và các hạng mục khác	3,274	2,977	3,274
Sữa chữa đập đầu mối, đường ống và các hạng mục khác	3,274	2,977	3,274
	61,951	**56,319**	**61,951**
xây dựng 80 căn nhà cấp 4 đảm bảo 3 cứng (nền cứng, khung tường cứng, mái cứng, khoảng 40m2)	2,640	2,400	2,640
San lấp mặt bằng khoảng 4ha; bồi thường giải phóng mặt bằng, đường nội vùng dự án, hệ thống điện, nước sinh hoạt; nhà sinh hoạt cộng đồng; đường giao thông liên thôn kết nối các khu vực, …	37,311	33,919	37,311
Đường giao thông liên thôn kết nối các khu vực có tiềm năng phát triển, phục vụ sản xuất tập trung của xã dự kiến chiều dài khoảng 7km	22,000	20,000	22,000
	65,016	**59,106**	**65,016**
Xây dựng nhà lồng với diện tích khoảng 450m2 và các hạng mục phụ trợ	4,516	4,106	4,516
Hệ thống chiếu sáng điện NLMT, trụ sắt D90, chiều dài khoảng 1.000m/thôn	5,500	5,000	5,500

Hệ thống chiếu sáng điện NLMT, trụ sắt D90, chiều dài khoảng 1.000m/thôn	5,500	5,000	5,500
Hệ thống chiếu sáng điện NLMT, trụ sắt D90, chiều dài khoảng 1.000m/thôn	5,500	5,000	5,500
Hệ thống chiếu sáng điện NLMT, trụ sắt D90, chiều dài khoảng 1.000m/thôn	5,500	5,000	5,500
Hệ thống chiếu sáng điện NLMT, trụ sắt D90, chiều dài khoảng 1.000m/thôn	5,500	5,000	5,500
Hệ thống chiếu sáng điện NLMT, trụ sắt D90, chiều dài khoảng 1.000m/thôn	5,500	5,000	5,500
Hệ thống chiếu sáng điện NLMT, trụ sắt D90, chiều dài khoảng 1.000m/thôn	5,500	5,000	5,500
Hệ thống chiếu sáng điện NLMT, trụ sắt D90, chiều dài khoảng 1.000m/thôn	5,500	5,000	5,500
Hệ thống chiếu sáng điện NLMT, trụ sắt D90, chiều dài khoảng 1.000m/thôn	5,500	5,000	5,500
Hệ thống chiếu sáng điện NLMT, trụ sắt D90, chiều dài khoảng 1.000m/thôn	5,500	5,000	5,500
Hệ thống chiếu sáng điện NLMT, trụ sắt D90, chiều dài khoảng 1.000m/thôn	5,500	5,000	5,500
	12,779	**11,617**	**12,779**
	2,950	**2,682**	**2,950**
Xây mới 01 phòng ở	246	223	246
Xây mới 05 phòng ở	1,229	1,117	1,229
Xây mới 02 phòng ở	492	447	492
Xây mới 04 phòng ở	983	894	983
	3,825	**3,478**	**3,825**
Xây mới 2 khu nhà vệ sinh, 01 giếng khoan	1,530	1,391	1,530
xây mới 04 phòng vệ sinh	765	696	765

xây mới 04 phòng vệ sinh	765	696	765
xây mới 04 phòng vệ sinh	765	696	765
	1,530	**1,391**	**1,530**
Xây mới nhà sinh hoạt 200m2	765	696	765
Xây mới nhà sinh hoạt 200m2	765	696	765
	4,474	**4,067**	**4,474**
Xây mới 07 phòng học bộ môn	4,474	4,067	4,474
	1,603	**1,457**	**1,603**
	1,603	**1,457**	**1,603**
Đầu tư, nâng cấp nhà văn hóa, khu thể thao và hỗ trợ trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, thể thao	178	162	178
Đầu tư, nâng cấp nhà văn hóa, khu thể thao và hỗ trợ trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, thể thao	178	162	178
Đầu tư, nâng cấp nhà văn hóa, khu thể thao và hỗ trợ trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, thể thao	178	162	178
Đầu tư, nâng cấp nhà văn hóa, khu thể thao và hỗ trợ trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, thể thao	178	162	178
Đầu tư, nâng cấp nhà văn hóa, khu thể thao và hỗ trợ trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, thể thao	178	162	178
Đầu tư, nâng cấp nhà văn hóa, khu thể thao và hỗ trợ trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, thể thao	178	162	178
Đầu tư, nâng cấp nhà văn hóa, khu thể thao và hỗ trợ trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, thể thao	178	162	178
Đầu tư, nâng cấp nhà văn hóa, khu thể thao và hỗ trợ trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, thể thao	178	162	178
Đầu tư, nâng cấp nhà văn hóa, khu thể thao và hỗ trợ trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, thể thao	178	162	178
	4,223	**3,839**	**4,223**
Xây dựng11 điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng CNTT để phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn các xã	4,223	3,839	4,223
	81,329	**72,512**	**81,329**
	81,329	**72,512**	**81,329**
	81,329	***72,512***	***81,329***
Đường GTNT cấp C; Chiều dài khoảng 1.400 m; Bề rộng nền 4m; Bề rộng mặt 3m; Bề rộng lề đường mỗi bên 0,5m; Hoàn thiện công trình thoát nước và các hạng mục khác	3,876	3,524	3,876

Nâng cấp, sửa chữa nền; Gia cố mặt và lề đường BTXM; Làm mới hệ thống cống thoát nước ngang, thoát nước dọc và các hạng mục khác	4,500	4,091	4,500
Đập tràn BTCT, kênh và công trình trên kênh	2,475	2,250	2,475
Đường GTNT cấp C; Chiều dài khoảng 1.400m; Bề rộng nền đường 3m; Bề rộng mặt đường 2m; Bề rộng lề mỗi bên 0,5m; Rãnh dọc đào trần và gia cố; Hoàn thiện công trình thoát nước ngang	4,400	4,000	4,400
Gia cố mái taluy, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng và một số hạng mục khác	1,870	1,700	1,870
Đường GTNT cấp B; Chiều dài khoảng 1150 m; Bề rộng nền 5m; Bề rộng mặt 3,5m; Bề rộng lề đường mỗi bên 0,75m; hoàn thiện công trình thoát nước và các hạng mục khác	4,510	4,100	4,510
Chiều dài khoảng 300m; Bề rộng nền đường Bn=4m; Bề rộng mặt đường Bm=3m; Bề rộng lề đường mỗi bên 0,5m; hoàn thiện hệ thống thoát nước và các hạng mục khác	1,430	1,300	1,430
Gia cố mái taluy, nền, mặt đường và lề đường BTXM; hệ thống thoát nước và một số hạng mục khác	3,850	3,500	3,850
Sửa chữa, gia cố nền, mặt đường và lề đường BTXM; Gia cố hệ thống thoát nước và các hạng mục khác	2,420	2,200	2,420
Đập đầu mối; đường ống dẫn nước; bể lọc; bồn chứa và các hạng mục khác	3,824	3,476	3,824
Sân bóng đá; Sân khấu; Sân đường bê tông và các hạng mục phụ trợ khác	1,998	1,816	1,998
Nhà học 04 phòng và các hạng mục phụ trợ	4,840	4,400	4,840
San ủi mặt bằng; hệ thống thoát nước, mái taluy và các hạng mục phụ trợ	4,477	4,070	4,477
Sân đường nội bộ; Cây xanh, thảm cỏ và các hạng mục phụ trợ	4,950	4,500	4,950
Thiết kế đường ống và các hạng mục khác	1,210	1,100	1,210
Đường giao thông loại B, chiều dài tuyến 3600m, Bn=4m, Bn=3m, hệ thống thoát nước và các hạng mục khác	9,764	8,876	9,764

Diện tích 100 m2, sàn, cột BTCT, mái tôn	120	100	120
Diện tích 100 m2, sàn, cột BTCT, mái tôn	120	100	120
Dài 0,6km, KT mương 40*50cm	480	400	480
Công trình Giếng đào chiều sâu khoảng 17-25m, đường kính D100, sân giếng bê tông 3,16*3,16m	594	495	594
Chiều dài 400m, dày 16cm, rộng 3m	720	600	720
Kiên cố hóa kênh mương Bê tông xi măng theo thiết kế của UBDN tỉnh, dự kiến chiều dài tuyến khoảng 180m	216	180	216
Đường GTNT loại C theo tiêu chuẩn đề án NTM. Công trình cấp IV. Chiều dài tuyến khoảng 7500m; Bề rộng nền đường 4m; Bề rộng mặt đường BT 3m. Bê tông xi măng M250 đá 2x5;mương Bê tông thoát nước dọc tuyến	744	620	744
Đường GTNT loại C theo tiêu chuẩn đề án NTM. Công trình cấp IV. Chiều dài tuyến khoảng 800m; Bề rộng nền đường 4m; Bề rộng mặt đường BT 3m. Bê tông xi măng M250 đá 2x4; mương Bê tông thoát nước dọc tuyến	960	800	960
Đường GTNT loại C. Công trình cấp IV. Chiều dài dự kiến 600m; Bề rộng mặt đường: 3m. Bề rộng nền đường: 4m. Chiều dày 16cm Bê rông xi măng M250 đá 2*4.	4,979	4,149	4,979
Khung, dầm cột bằng bê tông, mái lop bằng tranh	120	100	120
Khung, dầm cột bằng bê tông, mái lop bằng tranh	120	100	120
Khung, dầm cột bằng bê tông, mái lop bằng tranh	120	100	120
Đường GTNT loại C. Công trình cấp IV. Chiều dài dự kiến 80m; Bề rộng mặt đường: 3m. Bề rộng nền đường: 4m. Chiều dày 16cm Bê rông xi măng M250 đá 2*4.	156	130	156
Đường GTNT loại C. Công trình cấp IV. Chiều dài dự kiến 400m; Bề rộng mặt đường: 3m. Bề rộng nền đường: 4m. Chiều dày 16cm Bê rông xi măng M250 đá 2*4.	600	500	600

Đường GTNT loại C. Công trình cấp IV. Chiều dài dự kiến 650m; Bề rộng mặt đường: 3m. Bề rộng nền đường: 4m. Chiều dày 16cm Bê rông xi măng M250 đá 2*4.	960	800	960
Đường GTNT loại C theo tiêu chuẩn đề án NTM. Công trình cấp IV. Chiều dài tuyến khoảng 380m; Bề rộng nền đường 4m; Bề rộng mặt đường BT 3m. Bê tông xi măng M250 đá 2x4	720	600	720
Đường GTNT loại C theo tiêu chuẩn đề án NTM. Công trình cấp IV. Chiều dài tuyến khoảng 380m; Bề rộng nền đường 4m; Bề rộng mặt đường BT 3m. Bê tông xi măng M250 đá 2x4	600	500	600
Đường GTNT loại C theo tiêu chuẩn đề án NTM. Công trình cấp IV. Chiều dài tuyến 365 m; Bề rộng mặt đường: 3m. Bề rộng nền đường: 4m. Chiều dày 16cm Bê rông xi măng M250 đá 2*4.	720	600	720
Đường GTNT loại C theo tiêu chuẩn đề án NTM. Công trình cấp IV. Chiều dài tuyến 365 m; Bề rộng mặt đường: 3m. Bề rộng nền đường: 4m. Chiều dày 16cm Bê rông xi măng M250 đá 2*4.	720	600	720
Đường GTNT loại C theo tiêu chuẩn đề án NTM. Công trình cấp IV. Chiều dài tuyến khoảng 320m; Bề rộng nền đường 4m; Bề rộng mặt đường BT 3m. Bê tông xi măng M250 đá 2x4	960	800	960
Làm lại một số đoạn mặt đường BTXM, mương thoát nước bị hư hỏng (chiều dài đoạn đường khoảng 1.000m)	880	800	880
Khung, dầm cột bằng bê tông, mái lop bằng tranh	120	100	120
Khung, dầm cột bằng bê tông, mái lop bằng tranh	120	100	120
Khung, dầm cột bằng bê tông, mái lop bằng tranh	120	100	120
Khung, dầm cột bằng bê tông, mái lop bằng tranh	120	100	120
Khung, dầm cột bằng bê tông, mái lop bằng tranh	24	20	24
Sửa chữa khung nhà, ván sàn	24	20	24

Sửa chữa khung nhà, ván sàn	24	20	24
KCH 150 m kênh bằng BTCT M250, kích thước kênh 50*50 cm, thành kênh dày 10cm	168	140	168
Chiều dài tuyến L= 800m; Bmặt = 3,0 m; Bnền = 4,0 m	642	535	642
Cấp IV;Dài 850m,Nền đường 4m;mặt đường 3m;dày 18cm	720	600	720
Cấp IV;Dài 350m,Nền đường 4m;mặt đường 3m;dày 16cm	660	550	660
Đập đầu mối, đường ống, bể trử nước	1,265	1,150	1,265
Bê tông kênh mương chiều dài kênh: L= 500 m	360	300	360
Chiều dài tuyến L= 100 m; Bmặt = 3,0 m; Bnền = 4,0 m	240	200	240
KCH kênh mương chiều dài kênh: L= 500 m tại một số đoạn mương đất cũ bằng mương BTXM, ống xi phông. Phục vụ tưới tiêu nội đồng cho 16 hộ, tổng diện tích 8ha, định hướng sản xuất vụ Đông Xuân (trồng lúa, ngô...)	720	600	720
	20,647	**18,770**	**20,647**
	20,647	**18,770**	**20,647**
Cấp IV;Dài 850m,Nền đường 4m;mặt đường 3m;dày 18cm	1,221	1,110	1,221
Cấp IV;Dài 400m, Nền đường 4m;mặt đường 3m;dày 18cm	660	600	660
Đường GTNT loại C theo tiêu chuẩn đề án NTM. Công trình cấp IV. Chiều dài tuyến khoảng 800 m; Bề rộng nền đường 4m; Bề rộng mặt đường BT 3m. Bê tông xi măng M250 đá 2x4; mương thoát nước dọc taluy dương và cống qua đường	1,265	1,150	1,265
Đường GTNT loại C theo tiêu chuẩn đề án NTM. Công trình cấp IV. Chiều dài tuyến khoảng 150m; Bề rộng nền đường 4m; Bề rộng mặt đường BT 3m. Bê tông xi măng M250 đá 2x6; mương thoát nước dọc taluy dương và cống qua đường	275	250	275

Đường GTNT loại C theo tiêu chuẩn đề án NTM. Công trình cấp IV. Chiều dài tuyến khoảng 200m; Bề rộng nền đường 4m; Bề rộng mặt đường BT 2,5m. Bê tông xi măng M250 đá 2x4; mương Bê tông thoát nước dọc tuyến	337	306	337
Đường GTNT loại C theo tiêu chuẩn đề án NTM. Công trình cấp IV. Chiều dài tuyến 640 m; bề rộng mặt đường: 3m; Bề rộng nền đường 4m. Chiều dày 16 cm. Bê tông xi măng M250 đá 2*4	1,067	970	1,067
Sân tập thể thao đơn giản, diện tích: 200m2	33	30	33
Đường GTNT loại C theo tiêu chuẩn đề án NTM. Công trình cấp IV. Chiều dài tuyến 450 m; bề rộng mặt đường: 3m; Bề rộng nền đường 4m. Chiều dày 16 cm. Bê tông xi măng M250 đá 2*4	777	706	777
Chiều dài 600 m; Bề rộng nền đường:Bn=4,0m, bề rộng mặt đường Bm=3,0m, bề rông lề đường Bl=1m.	777	706	777
Đường cấp IV; chiều dài 860 m; Bề rộng nền đường:Bn=4,0m, bề rộng mặt đường Bm=3,0m, bề rông lề đường Bl=1m.	1,100	1,000	1,100
Đường GTNT loại C theo tiêu chuẩn đề án NTM. Công trình cấp IV. Chiều dài tuyến khoảng 1150m; Bề rộng nền đường 4m; Bề rộng mặt đường BT 3m. Bê tông xi măng M250 đá 2x4	997	906	997
Đường GTNT loại C theo tiêu chuẩn đề án NTM. Công trình cấp IV. Chiều dài tuyến khoảng 550m; Bê tông xi măng M250 đá 2x4	880	800	880
Đường GTNT loại C theo tiêu chuẩn đề án NTM. Công trình cấp IV. Chiều dài tuyến 800 m; Bề rộng mặt đường: 3m. Bề rộng nền đường: 4m. Chiều dày 16cm Bê rông xi măng M250 đá 2*4.	1,382	1,256	1,382
Mặt cắt ngang giếng D=100cm, Kết cấu ống buy: Bằng bê tông cốt thép M200 đá 1x2, chiều dày thành buy d=6cm, chiều cao mỗi ống buy h=50cm, đường kính trong ống buy d=100cm, đường kính ngoài D=112cm.	495	450	495
Đường GTNT loại C theo tiêu chuẩn đề án NTM. Công trình cấp IV. Chiều dài tuyến 400 m; Bề rộng mặt đường: 3m. Bề rộng nền đường: 4m. Chiều dày 16cm Bê rông xi măng M250 đá 2*4.	990	900	990
Đường GTNT loại C theo tiêu chuẩn đề án NTM. Công trình cấp IV. Chiều dài tuyến khoảng 370m; Bề rộng nền đường 4m; Bề rộng mặt đường BT 3m. Bê tông xi măng M250 đá 2x4	887	806	887

Chiều dài tuyến L= 800m; Bmặt = 3,0 m; Bnền = 4,0 m	1,151	1,046	1,151
Công trình nhóm C, nhóm IV: Dài 400m, rộng mặt đường 3m, nền đường 4m. Thiết kế BT M 250, đá dăm 2*4, chiều dày BT 16 cm	726	660	726
Cấp IV;Dài 450m,Nền đường 4m;mặt đường 3m;dày 18cm + Rãnh thoát nước 1,2m.	1,217	1,106	1,217
Công trình Giếng đào chiều sâu khoảng 17-25m, đường kính D100, sân giếng bê tông 3,16*3,16m	660	600	660
Cấp công trình: Cấp IV; Chiều dài: 900m; Nền đường: 4m; Mặt đường: 3m; Chiều dày: 16cm	1,393	1,266	1,393
Cấp công trình: Cấp IV; Chiều dài: 110m; Nền đường: 4m; Mặt đường: 3m; Chiều dày: 16cm;	484	440	484
Chiều dài khoảng 640 m; Bn=4m; Bm=3m. Mặt đường BTXM dày 16cm, M250, đá 2x4.	990	900	990
Chiều dài khoảng 580 m; Bn=4m; Bm=3m. Mặt đường BTXM dày 16cm, M250, đá 2x4.	887	806	887

ĐVT: Triệu đồng.

h 5 năm n 2021-25	Dự kiến bố trí kế hoạch năm 2022		Dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù	Ghi chú
Trong đó: Vốn NSTW	**Tổng số** *(tất cả các nguồn vốn)*	*Trong đó: Vốn NSTW*		
235,082	**154,071**	**138,921**		
143,800	**59,116**	**53,742**		
11,462	**5,696**	**5,178**		
2,381	**568**	**516**		
158.75	43.66	39.69		
158.75	43.66	39.69		
396.88	87.31	79.38		
238.13	43.66	39.69		
277.81	87.31	79.38		
238.13	43.66	39.69		
238.13	43.66	39.69		
158.75	43.66	39.69		
277.81	87.31	79.38		
238.13	43.66	39.69		
516	**218**	**198**		
318	131	119		
198	87	79		
2,612	**614**	**558**		

402	49	45		
156	49	45		
692	98	89		
246	74	67		
603	98	89		
179	49	45		
335	196	179		
5,953	**4,296**	**3,906**		
2,977	3,274	2,977		
2,977	1,022	929		
56,319	**13,824**	**12,567**		
2,400	2,640	2,400		
33,919	7,224	6,567		
20,000	3,960	3,600		
59,106	**27,845**	**25,314**		
4,106	2,200	2,000		
5,000	1,938	1,762		

5,000	1,822	1,656		
5,000	2,275	2,069		
5,000	2,262	2,056		
5,000	2,787	2,533		
5,000	2,912	2,647		
5,000	3,007	2,734		
5,000	2,200	2,000		
5,000	1,879	1,708		
5,000	2,325	2,113		
5,000	2,239	2,035		
11,617	**9,545**	**8,677**		
2,682	**2,458**	**2,235**		
223	246	223		
1,117	738	670		
447	492	447		
894	983	894		
3,478	**3,000**	**2,727**		
1,391	765	696		
696	765	696		

696	765	696		
696	705	641		
1,391	**1,530**	**1,391**		
696	765	696		
696	765	696		
4,067	**2,556**	**2,324**		
4,067	2,556	2,324		
1,457	**1,447**	**1,315**		
1,457	**1,447**	**1,315**		
162	178	162		
162	178	162		
162	178	162		
162	178	162		
162	178	162		
162	178	162		
162	178	162		
162	100	91		
162	100	91		
3,839	**760**	**691**		
3,839	760	691		
72,512	**74,308**	**66,409**		
72,512	**74,308**	**66,409**		
72,512	***74,308***	***66,409***		
3,524	3,876	3,524		

4,091	4,500	4,091		
2,250	2,475	2,250		
4,000	4,400	4,000		
1,700	1,870	1,700		
4,100	4,510	4,100		
1,300	1,430	1,300		
3,500	3,850	3,500		
2,200	2,420	2,200		
3,476	3,824	3,476		
1,816	1,998	1,816		
4,400	4,840	4,400		
4,070	4,477	4,070		
4,500	4,950	4,500		
1,100	1,210	1,100		
8,876	6,435	5,850		

100	120	100	x	
100	120	100	x	
400	480	400	x	
495	594	495	x	
600	720	600	x	
180	216	180	x	
620	744	620	x	
800	960	800	x	
4,149	1,286	1,072	x	
100	120	100	x	
100	120	100	x	
100	120	100	x	
130	156	130	x	
500	600	500	x	

800	960	800	x	
600	720	600	x	
500	600	500	x	
600	720	600	x	
600	720	600	x	
800	960	800	x	
800	880	800		
100	120	100	x	
100	120	100	x	
100	120	100	x	
100	120	100	x	
20	24	20	x	
20	24	20	x	

20	24	20	x	
140	168	140	x	
535	642	535	x	
600	720	600	x	
550	660	550	x	
1,150	1,265	1,150		
300	360	300	x	
200	240	200	x	
600	720	600	x	
18,770	**20,647**	**18,770**		
18,770	**20,647**	**18,770**		
1,110	1,221	1,110	x	
600	660	600	x	
1,150	1,265	1,150	x	
250	275	250	x	

306	337	306	x	
970	1,067	970	x	
30	33	30	x	
706	777	706	x	
706	777	706	x	
1,000	1,100	1,000	x	
906	997	906	x	
800	880	800	x	
1,256	1,382	1,256	x	
450	495	450	x	
900	990	900	x	
806	887	806	x	

1,046	1,151	1,046	x	
660	726	660	x	
1,106	1,217	1,106	x	
600	660	600	x	
1,266	1,393	1,266	x	
440	484	440	x	
900	990	900	x	
806	887	806	x	

Phụ lục II.2

GIAO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện T

TT	Đơn vị	Kế hoạch vốn thực hiện Chương trình MTQG					
		Vốn sự nghiệp	Trong				
			Hỗ trợ duy tu và bảo dưỡng	Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo	Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	Hỗ trợ cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
	TỔNG SỐ	**7,925**	**1,934**	**2,315**	**981**	**956**	**259**
I	**Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo**	**1,934**	**1,934**				
1	**Đăk Rơ Ông**	**934**	**934**	**-**	**-**	**-**	**-**
-	Nâng cấp, Sửa chữa đường đi khu sản xuất thôn Kon Hia 1 (Đoạn nhà ông A Đik), xã Đăk Rơ Ông	934	934				
2	**Đăk Hà**	**1,000**	**1,000**	**-**	**-**	**-**	**-**
-	Nâng cấp, Sửa chữa đường vào thôn Kon Pia xã Đăk Hà	1,000	1,000				
II	**Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**	**2,315**		**2,315**			
1	Xã Tu Mơ Rông	200		200			
2	Xã Đắk Hà	215		215			
3	Xã Văn Xuôi	200		200			
4	Xã Ngọk Yêu	200		200			
5	Xã Ngọk Lây	215		215			
6	Xã Tê Xăng	200		200			
7	Xã Măng Ri	215		215			
8	Xã Đắk Tờ Kan	255		255			
9	Xã Đắk Rơ Ông	215		215			
10	Xã Đắk Sao	200		200			
11	Xã Đắk Na	200		200			
III	**Dự án 3: hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp**	**981**			**981**		
III.1	**Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp**	**981**			**981**		
-	Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện	981			981		
IV	**Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**	**2,141**				**956**	**259**
IV.1	**Tiểu dự án 1. Phát triển GDNN vùng nghèo, vùng khó khăn**	**1,697**				**956**	
-	Trung tâm GDNN-GDTX huyện	1,697				956	
IV.1	**Tiểu dự án 2. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng**	**259**					**259**
-	Phòng Lao động Thương binh và Xã Hội	259					259
IV.3	**Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững**	**185**					
-	Phòng Lao động Thương binh và Xã Hội	185					

TT	Đơn vị	Kế hoạch vốn thực hiện Chương trình MTQG					
		Vốn sự nghiệp	Trong				
			Hỗ trợ duy tu và bảo dưỡng	Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo	Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	Hỗ trợ cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
V	**Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**	**82**					
V.1	**Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin**	**38**					
-	Trung tâm Văn hóa - Thể thảo - Du lịch và Truyền thông	38					
V.2	**Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều**	**44**					
-	Trung tâm Văn hóa - Thể thảo - Du lịch và Truyền thông	44					
VI	**Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình**	**472**					
I	**Cấp huyện**	**142**					
1	Phòng Lao động Thương binh và Xã Hội	142					
II	**Cấp xã**	**330**					
1	Xã Tu Mơ Rông	30					
2	Xã Đắk Hà	30					
3	Xã Văn Xuôi	30					
4	Xã Ngọk Yêu	30					
5	Xã Ngọk Lây	30					
6	Xã Tê Xăng	30					
7	Xã Măng Ri	30					
8	Xã Đắk Tờ Kan	30					
9	Xã Đắk Rơ Ông	30					
10	Xã Đắk Sao	30					

(VỐN SỰ NGHIỆP)

'u Mơ Rông)

ĐVT: Triệu đồng

G Giảm nghèo bền vững năm 2022					**Ghi chú**
g đó:					
Hỗ trợ việc làm bền vững	Hỗ trợ đào tạo nghề	Nâng cao năng lực thực hiện chương trình	Giám sát, đánh giá	Hoạt động chuyên môn khác	
185	**741**	**308**	**164**	**82**	
-	-	-	-	-	
-	-	-	-	-	
185	**741**				
	741				
	741				
185					
185					

G Giảm nghèo bền vững năm 2022					Ghi chú
g đó:					
Hỗ trợ việc làm bền vững	Hỗ trợ đào tạo nghề	Nâng cao năng lực thực hiện chương trình	Giám sát, đánh giá	Hoạt động chuyên môn khác	
				82	
				38	
				38	
				44	
				44	
		308	**164**		
		88	**54**		
		88	54		
		220	**110**		
		20	10		
		20	10		
		20	10		
		20	10		
		20	10		
		20	10		
		20	10		
		20	10		
		20	10		
		20	10		

Phụ lục II.3

GIAO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (VỐN SỰ NGHIỆP)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tu Mơ Rông)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022														Ghi chú
		Vốn sự nghiệp	*Trong đó*													
			Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị	*Thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm tại cấp tỉnh, huyện*	*Phát triển du lịch nông thôn*	*Nâng cao hiệu quả hoạt động của các Hợp tác xã nông nghiệp gắn với liên kết theo chuỗi giá trị*	*nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn*	*nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của cán bộ các cấp và người dân về phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới*	*truyền thông về xây dựng nông thôn mới*	*Thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới*	*xét nghiệm chất lượng nước và cập nhật Bộ chỉ số Theo dõi - Đánh giá nước sạch nông thôn tại các xã điểm của tỉnhn*	*Cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng phụ nữ và trẻ em*	*Mô hình an ninh trật tự*	*Kinh phí hoạt động của cơ quan chỉ đạo Chương trinhg các cấp*	*Các hoạt động khác tại các địa phương (*)*	
	Tổng cộng	**2,000**		**300**	**100**	**100**	**500**		**50**					**250**	**700**	
I	**Cấp huyện**	**1,135**		**300**	**100**	**100**	**500**		**50**					**85**		
1	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	985		300		100	500							85		
2	Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch và Truyền thông	50							50							
3	Phòng Văn hóa và Thông tin	100			100											
II	**Cấp xã**	**865**												**165**	**700**	
1	Xã Đăk Rơ Ông	190												15	175	
2	Xã Ngọk Lây	190												15	175	
3	Xã Tu Mơ Rông	15												15		
4	Xã Đăk Hà	190												15	175	
5	Xã Ngọc Yêu	15												15		
6	Xã Tê Xăng	15												15		

		Vốn sự nghiệp	Trong đó													
			Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị	*Thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm tại cấp tỉnh, huyện*	*Phát triển du lịch nông thôn*	*Nâng cao hiệu quả hoạt động của các Hợp tác xã nông nghiệp gắn với liên kết theo chuỗi giá trị*	*nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn*	*nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của cán bộ các cấp và người dân về phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới*	*truyền thông về xây dựng nông thôn mới*	*Thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới*	*xét nghiệm chất lượng nước và cập nhật Bộ chỉ số Theo dõi - Đánh giá nước sạch nông thôn tại các xã điểm của tỉnhn*	*Cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng phụ nữ và trẻ em*	*Mô hình an ninh trật tự*	*Kinh phí hoạt động của cơ quan chỉ đạo Chương trinhg các cấp*	*Các hoạt động khác tại các địa phương (*)*	
7	Xã Măng Ri	190												15	175	
8	Xã Đăk Tờ Kan	15												15		
9	Xã Đăk Sao	15												15		
10	Xã Đăk Na	15												15		
11	Xã Văn Xuôi	15												15		

Phụ lục II.4

GIAO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI (VỐN SỰ NGHIỆP)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tu Mơ Rông)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chương trình	CTMTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐBDTTS VÀ MIỀN NÚI																		Ghi chú
		Vốn sự nghiệp	Trong đó																	
			Dự án 1	Dự án 3			Dự án 4	Dự án 5					Dự án 6	Dự án 8	Dự án 9	Dự án 10				
				Tổng cộng	TDA 1	TDA 2	TDA 1	Tổng cộng	TDA 1	TDA 2	TDA 3	TDA 4			TDA 2	Tổng cộng	TDA 1	TDA 2	TDA 3	
	TỔNG SỐ	**14,500**	**1,323**	**7,751**	**3,592**	**4,159**	**1,215**	**3,193**	**153**	**187**	**2,667**	**186**	**155**	**465**	**108**	**290**	**179**	**42**	**69**	
I	**Cấp huyện**	**6,524**	**1,323**	**990**		**990**		**3,193**	**153**	**187**	**2,667**	**186**	**155**	**465**	**108**	**290**	**179**	**42**	**69**	
1	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	990		990		990														
2	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	300						300			300									
3	Phòng Dân tộc	1,944	1,323					373		187		186				248	179		69	
4	Phòng Giáo dục và Đào tạo	153						153	153											
5	Hội Liên hiệp Phụ nữ	465												465						
6	Phòng Tư Pháp	108													108					
7	Trung tâm GDNN-GDTX huyện	2,367						2,367			2,367									
8	Trung tâm Văn hóa - Thể thảo - Du lịch và Truyền thông	197											155			42		42		

TT	Chương trình	CTMTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐBDTTS VÀ MIỀN NÚI																		Ghi chú
		Vốn sự nghiệp	Trong đó																	
			Dự án 1	Dự án 3			Dự án 4	Dự án 5					Dự án 6	Dự án 8	Dự án 9	Dự án 10				
				Tổng cộng	TDA 1	TDA 2	TDA 1	Tổng cộng	TDA 1	TDA 2	TDA 3	TDA 4			TDA 2	Tổng cộng	TDA 1	TDA 2	TDA 3	
II	**Cấp xã**	**7,976**		**6,761**	**3,592**	**3,169**	**1,215**													
1	Xã Đăk Rơ Ông	595		490	216	274	105													
2	Xã Ngọk Lây	1,203		1,087	796	291	116													
3	Xã Tu Mơ Rông	1,083		977	700	277	106													
4	Xã Đăk Hà	615		510	238	272	105													
5	Xã Ngọc Yêu	702		592	300	292	110													
6	Xã Tê Xăng	581		464	168	296	117													
7	Xã Măng Ri	598		480	179	301	118													
8	Xã Đăk Tờ Kan	641		532	243	289	109													
9	Xã Đăk Sao	671		560	266	294	110													
10	Xã Đăk Na	699		590	299	291	109													
11	Xã Văn Xuôi	589		480	188	292	110													

Ghi chú:

Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt
- Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

TT	Chương trình	CTMTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐBDTTS VÀ MIỀN NÚI																		Ghi chú
		Vốn sự nghiệp	Trong đó																	
			Dự án 1	Dự án 3			Dự án 4	Dự án 5					Dự án 6	Dự án 8	Dự án 9	Dự án 10				
				Tổng cộng	TDA 1	TDA 2	TDA 1	Tổng cộng	TDA 1	TDA 2	TDA 3	TDA 4			TDA 2	Tổng cộng	TDA 1	TDA 2	TDA 3	

- Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị
- Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc
- Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực
- Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch
- Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em
- Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em
- Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn
- Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

Phụ lục III

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌN MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TU M

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /6/2022 của Ủy ban nhân dân huyệ Rông)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch
			Trung ương giao
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	6-8
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	6-8
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		
	Cấp xã		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	0
-	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	0
-	Tỷ lệ xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu	%	0

NH
[Ơ RÔNG

ện Tu Mơ

năm 2022
Địa phương giao
6-8
6-8
0
0
0